UED Journal of Sciences, Humanities & Education – ISSN 1859 - 4603

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

NỖI LÒNG CỦA VUA MINH MẠNG KHI NGHĨ VỀ DÂN ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA NHỮNG BÀI THƠ NGỰ CHẾ

Nguyễn Huy Khuyến

Nhận bài:
29 – 02 – 2015
Chấp nhận đăng:
25 – 06 – 2015
http://jshe.ued.udn.vn/

Tóm tắt: Là người đứng đầu đất nước, vua Minh Mạng rõ nhất vấn đề an dân, coi dân là gốc là kế sách để củng cố quốc gia. Do đó, vua Minh Mạng đã có nhiều chính sách cải cách để phát triển đất nước như: trọng nông, ái dân, giảm tô thuế, cứu đói, tăng cường giám sát đê điều, khai khẩn đất hoang hóa, khơi thông sông ngòi. Những chính sách này không những được ghi trong chính sử mà còn được vua làm thơ để ghi lại. Nhiều bài thơ đã thể hiện được tâm tư tình cảm của vua khi lo cho dân. Đó là khi gặp thiên tai mất mùa, bão lụt, hạn hán hay là tâm trạng của vua khi chứng kiến cảnh người dân không nhà cửa đói rét. Gặp cảnh như vậy, vua lại đích thân cầu mưa, cầu nắng mong trời ban phước lành để mùa màng bội thu, nhân dân không bị đói khổ. Bên cạnh đó, mỗi khi dân được mùa, vua cũng làm thơ để ghi lại cảm xúc của mình, để vui với niềm vui của dân.

Từ khóa: tư tưởng ái dân, trọng nông nghiệp, vua Minh Mạng, thơ ngự chế, lấy dân làm gốc.

1. Đặt vấn đề

Vua Minh Mạng không những là một vị vua có nhiều cải cách về mặt hành chính để điều hành đất nước mà còn là người luôn nghĩ đến dân và chăm lo cho dân. Trong thời gian trị vì của mình vua đã đề ra nhiều chính sách cải cách để yên dân, đặc biệt là vấn đề phát triển nông nghiệp. Vua Minh Mạng đã ban hành nhiều chính sách nhằm giúp đỡ người dân bị thiên tai, lũ lụt như mở kho thóc cứu tế, giảm tô thuế cho dân, bán thóc giá rẻ… Sinh thời vua thường bảo các quan rằng: "Trẫm từ khi lên nối ngôi đến nay, ngày đêm khăn khắn lo tìm trị đạo, còn sợ trên chẳng hợp lòng trời, cùng với trọng trách của đấng Hoàng khảo phó thác, dưới chưa thỏa lòng thần dân trông đợi. Nên ngày đêm chăm lo, chẳng dám có một mảy may nào là yên vui thong thả…" [4, tr.20]. Đó là trách nhiệm canh cánh của người đứng đầu nhà nước khi chưa làm cho thần dân thỏa lòng.

Vấn đề an dân, quan tâm đến dân không những chỉ được ghi trong sử sách, mà còn được vua Minh Mạng đề cập trong thơ ngự chế. Bài viết sẽ tập trung đi sâu làm rõ các vấn đề thể hiện sự quan tâm của vua khi nghĩ đến người dân qua những áng thơ ngự chế, từ đó nhằm cung cấp thêm tư liệu để đánh giá công lao của vua đối với vương triều Nguyễn nói riêng và với đất nước Việt Nam sau này nói chung.

*** Liên hệ tác giả**
Nguyễn Huy Khuyến
Trường Đại học Đà Lạt
Email: nguyenkhuyen.vnn@gmail.com
Điện thoại: 0988441720

2. Quan niệm của Minh Mạng về "kính trời ái dân 敬天愛民"

Muốn củng cố được đất nước phải làm yên lòng dân, hai việc này có mối quan hệ gắn bó mật thiết. Giả sử đất nước nhất thống nhưng lòng dân không yên thì đất nước không vững bền. Ngược lại, khi lòng dân đã yên thì đất nước sẽ được củng cố, đó là sự sống còn của triều đại.

Khi nghĩ về dân, vua Minh Mạng muốn làm cho dân được yên, tư tưởng yên dân đã bao trùm toàn bộ thời gian trị vì trong 21 năm (1820 - 1841), tư tưởng ấy bắt nguồn từ ý thức và trách nhiệm của người đứng đầu quốc gia và cũng là mục đích củng cố vững chắc vương triều do Hoàng khảo (vua Gia Long) để lại.

Với mục đích ái dân, vua Minh Mạng đã dành 2 quyển 6 và 7 trong "Minh Mệnh chính yếu" để thi hành nhiều chính sách có lợi cho dân như: miễn giảm sưu thuế, cấp phát tiền cứu đói, cấp phát thuốc để trị bệnh dịch, cấp tiền tuất, khoan thư sức dân, trừng trị quan tham, tuyển chọn nhân tài tham gia trị nước…

Ngoài ra, khi nghĩ về dân, vua Minh Mạng cũng làm rất nhiều bài thơ để nói lên tâm trạng của mình. Tư tưởng ái dân được vua nói rõ trong quan điểm làm thơ qua lời tựa cho Ngự chế thi sơ tập.

Nguyên văn chữ Hán

"...念所作多係敬天愛民自訓,較晴課雨以觀辰非有綺麗之辭悅人聞聽.豈比書生之

學尋章摘句而肯與文人墨客鬥艷爭長者哉. 再自古帝王制作詩文多出詞臣之手以予觀之雖翰林秘閣以代王言用之誥敕詞命可也. 至於詩章本根於心發於志若以人代則非我志矣”

Phiên âm:

Niệm sở tác đa hệ kính thiên ái dân tự huấn, giảo tình khỏa vũ dĩ quan thời, phi hữu khởi lệ chi từ duyệt nhân văn thính. Khởi tỉ thư sinh chi học tầm chương trích cú nhi khẳng dữ văn nhân mặc khách đấu diễm tranh trưởng giả tai. Tái tự cổ đế vương chế tác thi văn đa từ thần chi thủ. Dĩ dư quan chi tuy Hàn lâm bí các dĩ đại vương ngôn dụng chi, cáo sắc từ mệnh khả dã. Chí ư thi chương bổn căn ư tâm phát ư chí nhược dĩ nhân đại tắc phi ngã chí hĩ.

Dịch nghĩa:

“..Trẫm tự nghĩ, những bài thơ ta làm đó phần nhiều là mình tự dạy mình về đạo kính trời yêu dân, so sánh lúc tạnh lúc mưa để xem thời tiết, không có lời hoa hoè chải chuốt để cho người ta thích nghe. Không như cái học của thư sinh, tìm từng chương trích từng câu mà muốn đua đẹp tranh hay với các văn nhân mặc khách đâu. Vả lại, các bậc đế vương từ xưa làm thơ văn phần nhiều là mượn những kẻ từ thần. Theo ý ta xem thì tuy chốn hàn lâm bí các là để thay lời vua nói, dùng vào cáo sắc mệnh lệnh thì được, còn như văn thơ thì vốn là gốc ở lòng phát tự chí, nếu có người làm thay thì không phải là chí của mình”.

Vua Minh Mạng nổi tiếng là người không những chăm lo cần chánh mà còn có tấm lòng nghĩ đến muôn dân. Hàng ngày công việc triều chính bận rộn, nhưng những lúc rảnh rỗi vua thường tự răn mình, nghĩ đến công việc, đến cuộc sống của muôn dân. Đó thường là những lúc vua ngồi một mình hay trong những đêm mưa giá rét… Những trăn trở đó đã được vua đưa vào trong nhiều bài thơ. Một nỗi lòng thương dân, thương người nghèo của người đứng đầu nhà nước. Nỗi niềm ấy đã được vua Minh Mạng bộc bạch trong nhiều vần thơ. Sách Đại nam thực lục chép:

Nguyên văn chữ Hán

帝諭之曰朕之所作不求工巧只信口率吟以言志。爾其所賜篇什皆朕敬天憂民課晴量雨之作, 俾卿等知朕本意非務綺麗之辭與文士爭長業已面謝足矣. 何必多此一著徒增文飾.
若玩味其中念朕之焦勞有所感發各展猷為匡朕不逮俾政臻上理中外乂康是朕所賜詩章乃非虛舉則朕之欣悅為何如哉。儻徒事粉飾為儀文恐或至上下文恬武熙之怠何能效唐虞賡歌喜起之風是為無益朕寔不取焉。嗣後賞賜詩文毋須陳謝為也。[大南寔錄正編第二紀, 卷四十七, 二十四]

Phiên âm:

Đế dụ chi viết: Trẫm chi sở tác bất cầu công xảo chỉ tín khẩu suất ngâm dĩ ngôn chí. Nhĩ kì sở tứ thiên thập giai trẫm kính thiên ưu dân khóa tình lượng vũ chi tác, tỉ khanh đẳng tri trẫm bản ý phi vụ ỷ lệ chi từ dữ văn sĩ tranh trưởng nghiệp dĩ diện tạ túc hĩ. Hà tất đa thử nhất trứ đồ tăng văn sức. Nhược ngoạn vị kì trung niệm trẫm chi tiêu lao hữu sở cảm phát, các triển du vi khuông trẫm bất đãi tỉ chính trăn thượng lí, trung ngoại nghĩa khang, thị trẫm sở tứ thi chương, nãi phi hư, cử tắc trẫm chi hân duyệt vi hà như tai. Thảng đồ sự phấn sức vi nghi văn khủng hoặc chí thượng hạ văn điểm võ hi chi đãi, hà năng hiệu Đường Ngu canh ca hỉ khởi chi phong thị vi vô ích. Trẫm thực bất thủ yên. Tự hậu thưởng tứ thi văn vô tu trần tạ vi dã. (Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển 47, tờ 24)

Dịch nghĩa:

“Vua dụ rằng: “Thơ trẫm làm không cần khéo léo, chỉ luôn miệng ngâm ra để nói chí mình thôi. Những bài bạn cho ấy đều nói về việc kính trời lo dân, mong tạnh cầu mưa, để các khanh biết ý trẫm, không phải vụ lời văn hoa mà đua hay với văn sĩ đâu. Các khanh đã tạ trước mặt ta là đủ rồi, cần gì làm biểu, chỉ thêm văn sức. Nếu ngẫm nghĩ những bài thơ ấy mà biết trẫm khó nhọc, thì nên cảm động mà thi thố mưu mô để giúp trẫm những việc không nghĩ đến, cho chính sự tốt đẹp, trong ngoài yên vui, thế là trẫm cho thơ mới không phải là vô ích, thì trẫm vui mừng biết là nhường nào. Nếu chỉ trang sức hư văn thì sợ văn võ trên dưới sẽ chơi đùa trễ nải, không bắt chước được thói Đường Ngu nối hát vui mừng thì cũng vô ích, trẫm chẳng khen đâu. Tự sau có thơ văn gì, không phải trần tạ nữa” [5, tr.654].

Đại thần Phan Thúc Trực trong Quốc sử di biên đã đánh giá về thơ Minh Mạng: “Ban khắc Ngự chế thi tập. Vua khi rỗi muôn việc, gửi tình bút mực, để ý nghệ văn, từ lúc lên ngôi đến nay làm được 1 quyển thi tập, 10 quyển dụ chỉ, 1 quyển tạp ký và 10 quyển Thi tập cổ kim thể. Những bài thơ phần nhiều là những việc kính trời, yêu dân, ghi ngày tạnh, ngóng ngày mưa, một câu một chữ đều tự ý mình sáng tác, không mượn tay các bề tôi văn từ làm hộ” [6, tr.272 - 273].

Quan điểm này tiếp tục được vua Minh Mạng khẳng định trong Ngự chế thi tập:

Nguyên văn chữ Hán:

“予所作詩文不求工巧惟一念以敬天愛民為本.此次所賞等張以示意耳非欲與文士爭長讀者其諒之.

Phiên âm:

"Dư sở tác thi văn, bất cầu công xảo. Duy nhất niệm dĩ kính thiên ái dân vi bản. Thử thứ sở thưởng đẳng trương dĩ thị ý nhĩ. Phi dục dữ văn sĩ tranh trưởng, độc giả kì lượng chi".

Dịch nghĩa:

"Thơ văn ta làm ra không phải muốn khéo như người thợ, chỉ có một suy nghĩ rằng lấy việc kính trời, yêu dân làm gốc. Lần này ban tặng thơ cho các quan cốt là để nêu lên ý đó, chứ không phải cùng với các văn sĩ đua giỏi, độc giả hãy lượng thứ cho".

Như vậy, kính trời yêu dân như kim chỉ nam xuyên suốt trong tư tưởng của vua Minh Mạng, điều đó đã được minh chứng trong sử sách như: "Minh Mệnh chính yếu" đã ghi chép.

3. Huệ dân mẫn nông trong thơ Minh Mạng (惠 民 憫 農 thương xót nhà nông)

Huệ dân mẫn nông là biểu hiện rõ nhất của tư tưởng ái dân, những bài thơ về vấn đề này có khắp cả thi tập, vì là điều trọng yếu trong chính sách cai trị. Dân chúng thời đó phần lớn đều lấy nông làm nghề, mà nghề nông lắm vất vả phải dựa nhiều vào thiên nhiên, do đó việc mất mùa thiên tai địch họa cũng nhiều.

Sinh thời, vua Minh Mạng hay thức khuya phê bản, đọc tấu chương từ các nơi gửi về và tự mình châu phê. Có những đêm làm việc một mình đến canh hai, canh ba mới đi ngủ. Những hôm trời mưa gió, lạnh lẽo đêm đông suy ngẫm về nhân tình thế thái. Bài thơ Độc tọa (ngồi một mình) dưới đây phần nào thể hiện được tâm trạng của vua khi nghĩ về nhân dân. Tâm trạng của người đứng đầu nhà nước luôn mong cho nhân dân được hưởng phúc, lúa má được xanh đồng, vụ mùa được phong thu.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
獨坐	Độc tọa
幾餘靜憩俗塵**清**	Cơ dư tĩnh khế tục trần thanh,
墳典詩文案上橫	Phần điển thi văn án thượng hoành.
終日雖無多好句	Chung nhật tuy vô đa hảo cú,
深更**尚**未倦論評	Thâm canh thượng vị quyện luận bình.
風涼月朗難舒志	Phong lương nguyệt lãng nan thư chí,
人事天時實切情	
佇望穀辰**舉**郊祀	Nhân sự thiên thời thực thiết tình.
為民祈福普寰瀛	Trữ vọng cốc thời cử Giao tự,
	Vị dân kì phúc phổ hoàn doanh.

Dịch nghĩa:

"Ngồi một mình

Một chút thảnh thơi để nghỉ ngơi trong lúc bụi trần yên lặng,

Sách vở thi văn còn nằm ngổn ngang trên án.

Suốt cả ngày tuy rằng không làm được nhiều câu hay,

Đến đêm khuya cũng chưa từng mệt mỏi luận bình.

Gió mát trăng thanh khó làm cho ý chí thư thái,

Việc phụng sự dân theo thiên thời thật là hợp tình lý.

Đứng trông lúa khi tế đàn Nam giao,

Vì dân cầu đảo cho trời cao ban phúc khắp mọi nơi"

(Ngự chế thi sơ tập, quyển 2, tờ 8b-9a)

Trong đêm mùa đông lạnh giá, vua Minh Mạng cảm nhận cái lạnh tê người của xứ Huế, lúc đó mặc dù ngồi ở trong phòng ấm áp, được uống rượu ngon, vua đã nghĩ đến những người nghèo khổ trong mưa gió, phải chịu cảnh những cơn gió tây thổi đến. Suy nghĩ đó đã khiến cho vua động lòng xúc cảm, làm sao để dân được no ấm, người nghèo có một chỗ nghỉ ngơi. Nếu như có dịp đọc Ngự chế thi tập của vua, người đọc sẽ thấy nhiều bài thơ thể hiện tâm trạng của mình đối với nhân dân, từ những việc xem gặt lúa trên sông Lợi Nông, hay đi đường thấy lúa chín vàng cả cánh đồng, đến như những địa phương được mùa mất mùa, thiên tai, lụt lội, hạn hán… vua đều có ghi lại bằng những vần thơ rút ruột tâm can. Những lúc như vậy, tâm trạng vua Minh Mạng đã giành hết cho nhân dân. Qua hai bài thơ trên phần nào cũng cảm nhận được điều đó. Một vị vua làm thơ để ghi lại sự kính trời, ái dân, xem việc nắng, ghi việc mưa làm mục đích chính cốt để sửa mình và làm cho bản thân mình tốt hơn.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
冬夜靜坐	Đông dạ tĩnh tọa
窗前寒栗栗	Song tiền hàn lật lật,
室內氣融融	Thất nội khí dung dung.
富者**飲**美酒	Phú giả ẩm mĩ tửu,
貧者餐西風	Bần giả xan tây phong.
更有郵傳人	Cánh hữu bưu truyền nhân,
暴露霜雪中	Bạo lộ sương tuyết trung.
何能盡溫飽	Hà năng tận ôn bão,
念及動予心	Niệm cập động dư tâm.

Dịch nghĩa:

"Ngồi lặng đêm đông
Ngoài cửa rét run rẩy,
Trong nhà khí ấm áp.
Người giàu uống rượu ngon,
Người nghèo hưởng gió tây.
Lại có người đưa thư đến,
Trong sương giá mưa tuyết.
Làm sao được no ấm,

Lòng ta nghĩ đến mà bùi ngùi".

(Ngự chế thi sơ tập, quyển 2, trang 29)

Khi nghe tin Bắc thành bị thủy tai, nông vụ mất mùa, nghĩ đến dân, vua đau xót liền tức tốc giáng dụ mở kho thóc cứu đói. Nguyệt tiền Bắc Thành thuộc hạt mễ quý, giáng chỉ thải túc thập ngũ vạn dư hộc, chỉ đáo hậu mễ giá nhật kiến giảm tiện, nhân dân hàm hoạch án đổ, tẩu bút chí uý月 前 北 城 屬 轄 米 貴 降 旨 發 貸 粟 十 五 萬 餘 斛 旨 到 後 米 價 日 見 減 賤 人 民 咸 獲 案 堵 走 筆 誌 尉.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
匪平復水灾	Phỉ bình phục thủy tai,
北顧切徘徊	Bắc cố thiết bồi hồi.
不吝千餘萬	Bất lận thiên dư vạn,
為民倉早開	Vị dân thương tảo khai.

Dịch nghĩa:

"Giặc giã vừa yên lại bị lụt lội,
Trông về phía Bắc lòng hết sức bồi hồi.
Không tiếc hơn muôn ngàn hộc lúa,
Vì dân sớm mở kho thóc (cứu đói)".

(Ngự chế thi sơ tập, quyển 1, tờ 34 a/b)

Đạo làm vua đối với dân theo Minh Mạng là trước hết phải yêu dân, chăm lo nông vụ, củng cố đê điều, cầu mưa nắng thuận hòa… Hãy đọc bài thơ: Kim tuế thu thành tuy vị thượng phong đa xưng trúng nẫm cận cứ địa phương tấu báo mễ giá nhật tiện dân thực dụ như kí hân uý phê thị nhi phục trứ dĩ thi

今歲秋成雖未上**豐**多稱中稔近據地方奏報米價日賤民食裕如**既**欣慰批示而復著以詩.

Bài thơ này thể hiện tấm lòng vì dân hết sức sâu sắc của vua Minh Mạng. Đó là ái dân, chăm lo việc cày bừa, củng cố đê điều, cầu đảo cho mưa nắng thuận hòa, những mong nhân dân gần xa đều hưởng được mùa.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
謀國先圖愛庶黎	Mưu quốc tiên đồ ái thứ lê,
恤民仍在重耕犁	Tuất dân nhưng tại trọng canh lê.
弗崇力役失農務	Phất sùng lực dịch thất nông vụ,
永禦洪流固大堤	Vĩnh ngự hồng lưu cố đại đê.
宵**旰**昔祈暘雨順	Tiêu cán tích kì dương vũ thuận,
豐登今幸邇遐齊	Phong đăng kim hạnh nhĩ hà tề.
屢披食裕民康疏	Lũ phi thực dụ dân khang sớ,
欣慰硃毫好字批	Hân úy châu hào hảo tự phê.

Dịch nghĩa:

"Mưu tính việc nước trước tiên phải yêu dân mình,
Lo lắng đến dân cốt ở việc trọng cày bừa.
Không coi trọng lao động vụ mùa sẽ hỏng,
Thường xuyên củng cố đê điều để ngăn dòng nước lớn.
Sớm hôm cầu mong cho mưa nắng thuận hòa,
Nơi xa gần năm nay đều may mắn được mùa.
Nhiều lần xem chương sớ tâu dân được mùa khỏe mạnh,
Trong lòng mừng rỡ dùng bút châu phê chữ "tốt".

(Ngự chế thi nhị tập, quyển 5, tờ 19 a/b)

Trong bài 望 雨 作 Vọng vũ tác (làm bài thơ Ngóng mưa), vua Minh Mạng đã dùng 4 câu cuối để thể hiện sự kính trời và ái dân.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
籲懇九天垂惠澤,	Dụ khẩn cửu thiên thùy huệ trạch,
覃敷四野沐滂沱.	Đàm phu tứ dã mộc bàng đà.
俾令黎庶盈寧樂,	Tỉ linh lê thứ doanh ninh lạc,
老稚含哺鼓腹歌.	Lão trĩ hàm bô cổ phúc ca.

Dịch nghĩa:

"Cầu mong trời cao ban ơn huệ,
Nhờ ơn trời ban mưa lớn thấm khắp nơi.
Khiến cho lê dân nơi nơi đều an vui,
Già trẻ no cơm vỗ bụng ca".

(Ngự chế thi ngũ tập, quyển 6, tờ 29)

Có những đêm trằn trọc không ngủ được, vua Minh Mạng dậy sớm đọc duyệt tấu chương, nghĩ đến công việc đất nước, nghĩ đến dân đang chịu cảnh giá lạnh.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
曉坐披衣對雨看,	Hiểu tọa phi y đối vũ khan,
隆冬未霽愈添寒.	Long đông vị tễ dụ thiêm hàn.
時思勤政身何逸,	Thời tư cần chánh thân hà dật,
日**為**憂民意豈安.	Nhật vị ưu dân ý khởi an.

Dịch nghĩa

"Dậy sớm khoác áo ngồi xem mưa,
Cuối đông chưa tạnh lại thêm lạnh.
Nghĩ đến công việc đất nước thân nào dám biếng nhác,
Ngày ngày vì lo cho dân há có thể ngon giấc".

(Ngự chế thi lục tập, quyển 10, tờ số 23)

Khi được tin các địa phương trong kinh thành nhờ khí hậu thuận hòa nên được mùa lớn, vua Minh Mạng vui mừng làm bài thơ ghi lại việc này. Trong bài thơ, vua không quên cầu mong trời ban phước để cho muôn dân khắp nơi được mùa.

Nguyên văn chữ Hán

茲據承天阮春等奏**敘**京畿三縣
秋務十分**豐**收詩以誌慰
今秋畿甸雨暘均,
西畝收成獲倍臻.
玉粒盈疇懸綴綴,
黃雲被野積陳陳.
米**昂**茲幸逢**豐**歲,
食裕更欣慰小民.
昊貺曷勝寅感甚,
惟祈普稔願方伸.

Phiên âm

Tư cứ Thừa Thiên Nguyễn Xuân đẳng tấu tự kinh kì tam huyện thu vụ thập phần phong thu thi dĩ chí uý

Kim thu kỳ điện vũ dương quân,
Tây mẫu thu thành hoạch bội trăn.
Ngọc lạp doanh trù huyền xuyết xuyết,
Hoàng vân bị dã tích trần trần.
Mễ ngang tư hạnh phùng phong tuế,
Thực dụ cánh hân úy tiểu dân.
Hạo huống hạt thắng dần cảm thậm,
Duy kì phổ nẫm nguyện phương thân.

Dịch nghĩa:

"Nay theo lời tâu của bọn Nguyễn Xuân, ba huyện ở kinh kì Thừa Thiên vụ thu mười phần được mùa, làm bài thơ để ghi lại an ủi

Thu này khu vực kinh thành mưa nắng điều hòa,
Các ruộng phía tây thu hoạch xong.
Hạt thóc đầy ruộng cành trĩu hạt,
Mây lành khắp đồng tích lại từng đống.
Giá gạo cao nay may gặp năm được mùa,
Đủ ăn lại vui an ủi cho nhân dân.
Cảm ơn trời cao làm sao hơn được,
Chỉ mong trời cho khắp nơi được mùa".

(Ngự chế thi sơ tập, quyển 8, trang 11)

Trong một bài thơ khắc ở nhà bia trên Hiếu lăng, vua Minh Mạng đã ghi lại được tâm trạng hớn hở vui tươi của những người nông dân khi chứng kiến cánh đồng lúa bội thu. Những tiếng cười, tiếng hát khi thu hoạch lúa trở về nhà của người dân khiến cho vua cũng vui mừng và làm bài thơ ghi lại tâm trạng ấy.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
沿途極目黃雲佈	Duyên đồ cực mục hoàng vân bố,
滿野娛心玉粒盈	Mãn dã ngu tâm ngọc lạp doanh.
載路民人皆喜色	Tải lộ dân nhân giai hỉ sắc,
獲田勇婦溢歌聲	Hoạch điền dũng phụ dật ca thanh.

Dịch nghĩa:

"Dọc ven đường trông hút tầm mắt lúa vàng như mây,
Lòng người vui vẻ vì đầy đồng hạt lúa chắc nịch.
Trên đường vận chuyển người dân ai cũng đều hớn hở,
Thu hoạch mùa màng nam nữ ngập tràn tiếng ca hát".

(Ngự chế thi sơ tập)

Ở bài thơ Gia bình sóc nhật thí bút có hai câu cuối vua Minh Mạng nhắc đến việc cầu trời ban phúc và đất nước được bình an, nhân dân được mùa.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
書福實惟祈昊貺	Thư phúc thực duy kì hạo huống,
年豐國慶奠黎民	Niên phong quốc khánh điện lê dân.

Dịch nghĩa:

"Cầu phúc thật duy chỉ cầu trời ban,
Được mùa đất nước vững bền nhân dân an vui".

(Ngự chế thi nhị tập, quyển 10, tờ 22b)

Vua Minh Mạng những lúc rảnh rỗi hay đi thăm lúa ở các khu vực trong và ngoài kinh thành, nhằm nắm rõ tình hình sản xuất của người dân. Những lúc như vậy, vua thường làm những bài thơ để ghi lại tâm trạng của mình, có thể là vui vì lúa tốt được mùa, có thể là tâm trạng buồn khi mùa màng thất lợi. Mặc dù là vui hay buồn vua cũng đều nghĩ đến bách tính. Trong bài: 巡幸利農途間親見禾苗競秀有作 Tuần hạnh Lợi Nông đồ gian thân kiến hòa miêu cạnh tú hữu tác.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
懇得四方同此秀	Khẩn đắc tứ phương đồng thử tú,
俾吾百姓歲功成	Tỉ ngô bách tính tuế công thành.

Dịch nghĩa:

"Cầu trời cho bốn phương đều được tốt đẹp như thế,
Khiến cho bách tính của ta thu được thành công".

(Ngự chế thi tứ tập, quyển 1, tờ 16a)

Trong bài thơ: Diên đồ kiến hạ hòa đại thục hỉ tác沿途見夏禾大熟喜作 (Ven đường nhìn thấy lúa hè chín rộ vui mừng làm bài thơ), vua Minh Mạng đã đề cao vai trò của người dân và bên cạnh đó cũng không quên ân sâu của trời cao. Đọc thơ Minh Mạng có lẽ hình ảnh "hạo thiên", "hạo ân" được vua sử dụng rất nhiều lần trong thơ. Điều này đã được vua nói rõ trong quan điểm làm thơ của mình đó là lẽ "kính trời".

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
曷勝農慶普	Hạt thăng nông khánh phổ,
咸仰昊恩覃	Hàm ngưỡng hạo ân đàm.
不枉民勤苦	Bất uổng dân cần khổ,
方令 我食甘	Phương linh ngã thực cam.

Dịch nghĩa:

"Sao hơn được niềm vui của nhà nông được rộng khắp,
Tất cả đều ngưỡng trông ơn sâu của trời cao.
Để không uổng phí sự khó nhọc cần cù của người dân,
Để ngày nay khiến ta có bữa ăn ngon".

(Ngự chế thi nhị tập, quyển 2, tờ 2a)

Trong bài thơ: Tuần hạnh Lợi Nông hà kiến lưỡng ngạn cốc thục quân tại bát cửu phần dĩ thượng viện bút chí uý 巡幸利農河見兩岸穀熟均在八九分以上援 筆誌慰, vua Minh Mạng đã vui mừng khi thấy đời sống của nhân dân no ấm, cảnh được mùa người dân ca hát, xóm làng bình yên, người dân được hưởng phúc lành:

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
民純少盜賊	Dân thuần thiểu đạo tặc,
歲稔樂歌謳	Tuế nẫm lạc ca âu.

閭里恬熙福　　Lư lí điềm hi phúc,
聖人惠澤留　　Thánh nhân huệ trạch lưu.

Dịch nghĩa:

"Người dân thuần hậu sẽ ít giặc cướp,
Năm được mùa khiến dân vui vẻ hát ca.
Làng xóm vui vẻ hớn hở hưởng phúc,
Bởi vì ân huệ của Liệt thánh vẫn còn".

(Ngự chế thi sơ tập, quyển 2, tờ 15a/b)

Sản xuất nông nghiệp quan trọng nhất là mưa nắng thuận lợi, nếu như nắng nhiều gây thiếu nước hạn hán mùa màng thất lợi, ngược lại mưa nhiều thì gây lụt lội cũng gây mất mùa. Trong Ngự chế thi tập, vua Minh Mạng đã làm nhiều bài thơ liên quan đến "đảo vũ kì tình – cầu mưa cầu tạnh", trong những bài thơ ấy người đọc lại thấy tâm trạng của vua khi nghĩ về dân.

Quan tâm đến dân không những đồng cảm với nỗi khó nhọc vất vả mà còn phải biết lo đến sự no đủ của dân. Trong bài thơ: 又據宣光布政使陳玉琳興安巡撫何叔良並奏稱秋成均得十分豐收詩以誌喜 Hựu cứ Tuyên Quang Bố chánh sứ Trần Ngọc Lâm, Hưng Yên Tuần phủ Hà Thúc Lương tịnh tấu xưng thu thành quân đắc thập phần phong thu, thi dĩ chí hỉ, vua Minh Mạng đã vui mừng khi biết tin các địa phương ở Tuyên Quang, Hưng Yên được mùa lớn, giá lúa rẻ, đời sống nhân dân ấm no. Nhờ đó mà người dân được no ấm, tinh thần vui tươi ca hát.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
米價因之賤	Mễ giá nhân chi tiện,
民財賴以饒	Dân tài lại dĩ nhiêu.
含餔安井里	Hàm phô an tỉnh lý,
鼓腹樂歌謠	Cổ phúc lạc ca dao.

Dịch nghĩa:

"Giá gạo nhân đó mà được rẻ,
Của cải của dân lại được nhiều.
Để bữa cơm của dân no đủ nơi xóm làng,
Mọi người vỗ bụng vui vẻ ca hát".

(Ngự chế thi tứ tập, quyển 5, tờ 11a)

Yêu dân theo quan điểm của vua Minh Mạng là không có sự phân biệt, ai cũng như ai, không kể đó là vùng miền Bắc hay miền Nam xa xôi. Trong bài 冬夜言懷 Đông dạ ngôn hoài vua tự bạch rằng:

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
也識四時原有別	Dã thức tứ thời nguyên hữu biệt,
惟吾一念愛民同	Duy ngô nhất niệm ái dân đồng.

Dịch nghĩa:

"Cũng viết bốn mùa nguyên có sự khác biệt,
Duy chỉ có một suy nghĩ yêu dân ta là không có sự phân biệt".

(Ngự chế thi tứ tập, quyển 5, tờ 16b)

Bài 幸利農河觀穫喜作 Hạnh Lợi Nông hà quan hoạch hỉ tác, phản ánh tâm trạng của vua khi biết tin được mùa. Vui với niềm vui của dân, vua tự mình đến thăm cánh đồng lúa để thấy được thành quả của những người dân đã vất vả để có được kết quả này.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
豐登原在免灾侵	Phong đăng nguyên tại miễn tai xâm,
萬寶功成命駕臨	Vạn bảo công thành mệnh giá lâm.
穀粒盈疇垂穰穰	Cốc lạp doanh trù thùy nhương nhương,
農夫滿野望林林	Nông phu mãn dã vọng lâm lâm.
耕耘昔日雖勞力	Canh vân tích nhật tuy lao lực,
收穫今朝亦稱心	Thu hoạch kim triêu diệc xứng tâm.
不負我懷勤稼穡	Bất phụ ngã hoài cần giá sắc,
且觀且喜若難禁	Thả quan thả hỉ nhược nan câm.

Dịch nghĩa:

"Đi đến sông Lợi Nông xem gặt lúa vui mừng làm bài thơ

Được mùa nguyên là bởi tránh được thiên tai,
Muôn việc hoàn thành lệnh giá lâm.
Hạt lúa đầy ruộng cây trĩu hạt,
Người nông dân khắp cả cánh đồng trông nhiều như cánh rừng.
Ngày trước cày ruộng tuy vất vả,
Hôm nay thu hoạch thật hài lòng.
Chẳng phụ nỗi lòng mong mỏi của ta về việc đồng áng,
Vừa xem vừa vui mừng thật khó mà ngăn được".

(Ngự chế thi tứ tập, quyển 7, tờ 13a)

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
秋夜聞蛩	Thu dạ văn cùng
嘐嘐**咧咧**使人愁,	Yêu yêu liệt liệt sử nhân sầu,
自以**為**能久不休.	Tự dĩ vi năng cửu bất hưu.
梭上往來頻手促,	Thoa thượng vãng lai tần thủ xúc,
砧頭續斷幾聲浮.	Châm đầu tục đoạn kỉ thanh phù.
庭前嫋嫋涼風起,	Đình tiền niệu niệu lương phong khởi,
窗外綿綿霖雨稠.	Song ngoại miên miên lâm vũ trù.
雖幸水灾不至重 ,	Tuy hạnh thủy tai bất chí trọng,
惟嫌貧乏**尚**悲秋	Duy hiềm bần phạp thượng bi thu.

Dịch nghĩa:

"Đêm thu nghe tiếng dế kêu
Tiếng kêu riu riu rả rích khiến người buồn,
Tự mình làm việc mãi không nghỉ ngơi.
Trên thoi tay vẫn miệt mài đưa sợi,
Tiếng chày dồn dập không ngừng.
Trước sân gió thổi vi vu hơi lạnh nổi lên,
Ngoài cửa rả rích những mưa rơi.
Tuy rằng may mắn lụt lội tuy chưa đến nỗi nặng,

Chỉ hiềm túng thiếu khiến đêm thu càng buồn".

(Ngự chế thi sơ tập, quyển 7, tờ 36a/b)

Bài thơ bày tỏ tâm trạng bồn chồn, lo lắng khi lụt lội khiến mất mùa làm cho người dân túng thiếu. Tâm trạng ấy xảy ra trong đêm mưa lại càng khiến cho cảnh buồn thêm.

Đạo làm vua đối với dân cốt ở việc nuôi dưỡng dân (quân dân chi đạo vụ tại dưỡng dân) 君民之道務 在養民. Vua Minh Mạng hiểu rõ điều đó, vì vậy, nhà vua lúc nào cũng muốn muôn phương được yên ổn. Do đó, khi làm việc không hề trễ nải biếng nhác. Lúc nào tâm nguyện cũng hướng về dân cày, mong cho họ không bị khổ ải đắng cay và luôn cầu trời phù hộ để bách tính được no đủ bình an.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
萬方寧謐	Vạn phương ninh mật
一人受命治天下	Nhất nhân thụ mệnh trị thiên hạ,
天下原非奉一人	Thiên hạ nguyên phi phụng nhất nhân.
旰食宵衣勤最政	Cán thực tiêu y cần tối chính,
朝乾夕惕謹持身	Triêu can tịch dịch cẩn trì thân.
必期萬姓安耕鑿	Tất kì vạn tính an canh tạc,
矢願千方免苦辛	Thỉ nguyện thiên phương miễn khổ tân.
敢不勉思言顧行	
慰天付卑牧黎民	Cảm bất miễn tư ngôn cố hàng,
	Úy thiên phó tỉ mục lê dân.

Dịch nghĩa:

"Muôn phương yên ổn

Một người nhận mệnh trời để trị thiên hạ,

Thiên hạ vốn chẳng phải đem ra để cung phụng cho một người.

Cơm muộn thức khuya lo việc nước,

Sớm triều kính cẩn giữ gìn thân.

Ắt vì mong mỏi muôn dân yên ổn cày cấy,

Thề nguyện nghìn phương tránh được đắng cay.

Chẳng dám không gắng suy nghĩ để cố làm.

Vui mừng mong trời phù hộ để nuôi muôn dân".

(Ngự chế thi sơ tập, quyển 7, tờ 30a/b)

Khi nghe tin miền Bắc năm trước bị lụt lội, năm nay giá lúa lại cao, cảnh đói kém đang diễn ra trước mắt, vua lấy làm lo lắng về việc đó. Không những lo về chuyện thiên tai địch họa, mà bên cạnh đó là nỗi lo về việc các quan lại không gắng sức, người tài thì ít mà kẻ đục khoét vơ vét của dân thì nhiều. Bài thơ dưới đây là một minh chứng rõ nét.

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm
中夜北顧述懷	Trung dạ Bắc cố thuật hoài
方喜甘霖降,	Phương hỉ cam lâm giáng,
猶嫌米價**昂**.	Do hiềm mễ giá ngang.
昔年憂水潦,	Tích niên ưu thủy lạo,
今日患饑荒.	Kim nhật hoạn cơ hoang.
上少循良撫,	Thượng thiểu tuần lương phủ,
下多蠹役傷.	Hạ đa đố dịch thương.
中宵不成寐 ,	Trung tiêu bất thành mị,
北顧却彷徨.	Bắc cố khước bàng hoàng.

Dịch nghĩa:

"Nửa đêm ngoái về phương Bắc tỏ nỗi lòng
Đang vui mừng vì được mưa ngọt,
Hiềm nỗi giá gạo còn cao.
Năm trước lo nước lụt,
Ngày nay lo đói dài.
Trên ít người giỏi việc,
Dưới lắm kẻ đục khoét.
Nửa đêm không ngon giấc,
Trông về Bắc lòng lại bàng hoàng".

(Ngự chế thi sơ tập, quyển 7, trang 17)

4. Kết luận

Nước lấy dân làm gốc, tư tưởng yên dân đã được đề cập khá nhiều trong các sách kinh điển. Khổng Tử nói: Sử dân dĩ thời (sai khiến dân phải căn cứu vào chữ thời), hay Mạnh Tử nói: Dân ví như nước có thể chở thuyền cũng có thể lật thuyền. Vua Minh Mạng am hiểu điều đó hơn ai hết, là người kiến thức uyên thâm, tường minh Nam sử Bắc sử, lại được những thầy dạy nổi tiếng chỉ bảo. Rõ ràng trong 21 năm trị vì của mình, vua đã làm được nhiều điều có lợi cho dân mà những việc ấy ngày nay chúng ta còn được hưởng lợi, đặc biệt là hệ thống sông ngòi, kênh rạch.

Mặc dù chính sử đã có những ghi chép về những việc làm của vua Minh Mạng chăm lo cho dân, nhưng đó chỉ là những chỉ dụ, những văn bản hành chính được ban ra bởi người đứng đầu nhà nước. Tuy nhiên, đọc thơ ngự chế, người đọc sẽ nhận thấy một vị vua có tấm lòng nhân ái khi nghĩ đến những người nghèo, đến nhân dân đói khổ, mùa màng thất bát. Ở đó, người đọc còn thấy được tâm trạng của vua khi ngồi lặng yên một mình để nghĩ đến dân trong đêm đông giá lạnh. Dường như có một sự trắc ẩn đồng cảm khi vua nghĩ đến dân. Tâm trạng ấy chính sử không thể ghi lại được, mà chỉ được vua thể hiện trong những vần thơ, đó là tâm trạng của người biết nghĩ đến dân, chăm lo cho dân để cho "國慶奠黎民 quốc khánh điện lê dân". Đất nước yên ổn nhân dân yên vui.

Tài liệu tham khảo

[1] Minh Mệnh Ngự chế thi, bản chữ Hán, ký hiệu H83A, H84, H86, H87, H88, tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, Đà Lạt.

[2] Minh Mệnh Ngự chế thi, bản chữ Hán, Viện nghiên cứu Hán Nôm
A.134A/1-3: NGỰ CHẾ THI SƠ TẬP 御制詩初集
A.134B/1-3: NGỰ CHẾ THI NHỊ TẬP 御制詩二集
VHv.68/1-3: NGỰ CHẾ THI TAM TẬP 御制詩三集
A.134d/1-2: NGỰ CHẾ THI TỨ TẬP 御制詩四集
A.134d/1-3: NGỰ CHẾ THI NGŨ TẬP 御制詩五集
A.134c/1-2: NGỰ CHẾ THI LỤC TẬP 御制詩六集
[3] Nguyễn Phong Nam (cb), Trần Hữu Duy, Huỳnh Kim Thành, Trần Đại Vinh (1997), Những vấn đề lịch sử và văn chương triều Nguyễn, NXB Giáo dục, Hà Nội.
[4] Quốc sử quán triều Nguyễn, Minh Mệnh chính yếu, bản dịch (2010), NXB Thuận Hóa, Huế.
[5] Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, (tập 2), Bản dịch của Viện Sử học (2002), NXB Giáo dục.
[6] Phan Thúc Trực, Quốc sử di biên, bản dịch của Viện sử học (2009), NXB Văn hóa Thông Tin, Hà Nội.

KING MINH MANG'S SENTIMENTS EXPRESSED THROUGH HIS ROYAL POEMS MADE AS HE SHARED A THOUGHT FOR HIS PEOPLE

Abstract: As the head of the country, King Minh Mang was well aware that his people must be reassured and considered as the roots of the country as well as a resource for the reinforcement of the country. Therefore, he issued many reform policies to develop the country such as physiocracy, care for the people, tax reduction, famine relief, dyke maintenance supervision, land reclaimation, river dredging,… These policies were not only recorded in history but also in the King's own poems, of which many expressed his inmost feeings with a thought he shared for his people when it came to crop failures, natural disasters like floods, storms or when he witnessed his people suffering from homelessness and starvation. Faced with these problems, the King himself prayed for rain or sun, for God's blessing which could bring his people bumper harvests and drive away starvation as well as poverty. Besides, whenever his people enjoyed a bumper crop, he also composed poems to record his emotions and to share the joy of his people.

Key words: thought of caring for the people; physiocracy; King Minh Mang; royal poems; considering people as the roots of the country.